

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Mạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thành Cương - Thư ký TAND huyện Tiên Du

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-VDS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “ Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 18/10/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Đình Chung, sinh năm 1971 (Có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1972 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Khoáng- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo lời trình bày của Anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày tại phiên họp:

Vào ngày 26/11/1989, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị An, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cảnh Hưng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại thôn Rền, xã Cảnh Hưng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh sinh được 01 con chung là Nguyễn Đình Thành, sinh ngày 13/5/2004. Anh không yêu cầu giải quyết về con chung;

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết;

Tại thời điểm đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị An, do không am hiểu pháp luật nên khi đó vợ chồng anh đều chưa đủ tuổi nhưng đã kết hôn và đi đăng ký kết hôn. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi anh sinh năm 1969, thực tế anh sinh ngày 01/10/1971; vợ anh thực tế sinh ngày 06/5/1972 tuy nhiên ghi trong giấy kết hôn sinh năm 1971 là không đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đều sơ xuất, không kiểm tra lại giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng anh.

Hiện tại, vợ chồng anh hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Nay do anh gặp vướng mắc về thủ tục hành chính. Do vậy, vợ chồng anh cùng thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận anh và vợ là Nguyễn Thị An là vợ chồng kể từ thời điểm vợ chồng anh đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Chị Nguyễn Thị An thống nhất với lời trình bày của Chung về thủ tục và điều kiện kết hôn như trên. Chị nhận thấy việc kết hôn với anh Chung chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật. Do vậy, chị đồng ý với ý kiến của anh Chung về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và tiếp tục công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đại diện UBND xã Cảnh Hưng có trong hồ sơ vụ việc:

Qua kiểm tra sổ sách UBND xã Cảnh Hưng chỉ lưu trữ được hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1992 đến nay, không lưu trữ được hồ sơ kết hôn năm 1989 nên không có căn cứ trả lời Tòa án về việc đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An. Theo tài liệu tại dữ liệu quốc gia và hồ sơ đăng ký lại khai sinh của anh Chung, chị An thì: Anh Nguyễn Đình Chung, sinh ngày 01/10/1971 và chị Nguyễn Thị An, sinh ngày 06/5/1972. UBND xã có xác nhận anh Nguyễn Đình Chung (Nguyễn Đình Trung), sinh năm 1971 và anh Nguyễn Đình Chung, sinh năm 1969; chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1972 ghi trên các văn bản giấy tờ là cùng một người.

Nay anh chị yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm anh chị đủ tuổi theo quy định đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải

quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán giải quyết việc dân sự, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 2,3,4 Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 29, 35, 39, 362, 365, 366 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 tuyên: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An tại thời điểm anh Chung đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp ý kiến của các đương sự và Đại diện VKS nhân dân huyện Tiên Du tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An có đơn yêu cầu đề nghị Toà án “Huỷ kết hôn trái pháp luật”; anh chị có cùng địa chỉ: Thôn Rền, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; anh chị xuất trình việc kết hôn tại UBND xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du do đó căn cứ vào khoản 1, Điều 29; điểm b, khoản 2, Điều 35 và điểm g, khoản 2, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục mở phiên họp vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du đã có văn bản cử người tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ việc:

Anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An trình bày và xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản gốc ngày 26/11/1989, tại UBND xã Cảnh Hưng. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi anh Chung sinh năm 1969, thực tế anh sinh ngày 01/10/1971; chị An sinh năm 1971, thực tế chị sinh ngày 06/5/1972. Mặc dù UBND

xã Cảnh Hưng không còn lưu trữ được sổ sách đăng ký kết hôn năm 1989, tuy nhiên các đương sự cung cấp được bản gốc giấy chứng nhận kết hôn, thể hiện việc anh Chung và chị An có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cảnh Hưng.

Theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh anh Chung, giấy khai sinh con trai là cháu Nguyễn Đình Thành thể hiện anh Chung, sinh ngày 01/10/1971 chị Nguyễn Thị An, sinh ngày 06/5/1972.

Theo giấy xác nhận UBND xã xác định anh Nguyễn Đình Chung (Nguyễn Đình Trung), sinh năm 1971 và anh Nguyễn Đình Chung, sinh năm 1969; chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1971 và chị Nguyễn Thị An, sinh năm 1972 ghi trên các văn bản giấy tờ là cùng một người.

Theo như lời trình bày của anh Chung, chị An thể hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh chị đều chưa đủ tuổi nên đã khai tăng năm sinh để tăng tuổi đủ điều kiện được xác nhận tình trạng hôn nhân và kết hôn. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cảnh Hưng, chị anh Chung được 18 tuổi 01 tháng 25 ngày; chị An được 17 tuổi 06 tháng 20 ngày.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: *“Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”*. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/11/1989, anh Chung chưa đủ tuổi kết hôn, việc anh chị đăng ký kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Chung và chị An đã có đủ điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung, tài sản chung nhưng vì năm sinh anh chị không khớp nhau đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh chị và các con; anh chị có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Du hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung và tài sản chung: Anh Chung chị An không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên họp cả anh Chung và chị An đều đề nghị tiếp tục công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị từ thời điểm anh chị đủ tuổi kết hôn. Xét thấy anh chị hiện đang sống chung hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An từ ngày 01/10/1991 khi anh Chung đủ tuổi đăng ký kết hôn.

[3] Về Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Chung, chị An không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 29; điểm b, khoản 2, Điều 35; điểm g, khoản 2, Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 2, Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 5, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An.

Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 26/11/1989, Quyền số 01 của Ủy ban nhân dân xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An kể từ ngày 01/10/1991.

Anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Đình Chung và chị Nguyễn Thị An không phải chịu lệ phí Hôn nhân gia đình;

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./

Nơi nhận:

- VKSND H.Tiên Du;
- Chi cục THADS H. Tiên Du;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Vũ Mạnh